TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-07-2018

V/v ''Ly hôn giữa chị C và anh D''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Bình;
Ông Bùi Trọng Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Ngày 30 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2018 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C; sinh năm 1987;
Địa chỉ: tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Công D; sinh năm 1983;
Địa chỉ: Tổ dân phố X, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị C và anh D đăng ký kết hôn ngày 15/6/1992 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau kết hôn, anh chị về chung sống tại tổ dân phố X, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk và đã có 03 con chung; Nguyễn Công T sinh ngày 01/01/1994; Nguyễn Công L sinh ngày 28/9/1995 và cháu Nguyễn Công Thành L sinh ngày 17/7/2005.

Mặc dù anh chị đã chung sống hơn 16 năm nay và đã có với nhau 03 con chung nhưng đời sống vợ chồng anh chị không thực sự hạnh phúc; anh D không

chăm lo cho cuộc sống gia đình, ham vui bạn bè; vợ chồng khuyên bảo nhau thì anh D không những không nghe mà còn lớn tiếng xúc phạm, thậm chí còn sử dụng bạo lực. Rất nhiều lần như vậy nhưng vì con nên chị C vẫn nhẫn nhục, chịu đựng và hy vọng anh D sẽ có suy nghĩ lại; nhưng cho đến nay, qua thời gian dài, anh D vẫn không có sự thay đổi, không chí thú làm ăn, không chăm lo, xây dựng hạnh phúc; không cùng chị sẻ chia, gánh vác công việc chung trong gia đình và còn thường xuyên bỏ nhà đi đâu, khi nào về vợ con không biết.

Nay chị C xác định giữa chị và anh D không có sự thương yêu, gắn bó với nhau và không thể chung sống hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Công Thành L sinh ngày 17/7/2005, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Công D hiện nay vẫn đang sinh sống tại tổ dân phố 2, P. Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D vẫn vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 11/07/2018. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định về vụ án như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ bằng phương thức niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội C yêu cầu khởi kiện của chị C; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 11 tháng 7 năm 2018. Tại phiên tòa hôm nay, anh D vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D là hợp pháp; Là vợ chồng, lẽ ra anh D phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình nhưng qua quá trình giải quyết yêu cầu của chị C, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng anh D không hợp tác, thiếu thiện chí, thể hiện thái độ bất cần, không có trách nhiệm với vợ con; vợ, con muốn sống ở đâu, sống ra sao thì sống; điều đó thể hiện sự không thiết tha với hôn nhân của bản thân, không còn muốn gắn bó, đoàn tụ để cùng chị C

xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc, nuôi dưỡng con cái như lời trình bày của chị C về tình trạng hôn nhân là đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng anh D và chị C là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con, chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Công D còn có một con chung là cháu Nguyễn Công Thành L, cháu sinh ngày 17/7/2005; hiện nay cháu vẫn đang ở với chị C; hơn nữa, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao cho chị C được tiếp tục trực tiếp nuôi con của anh chị là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, theo chị C thì hiện tại chị có đủ điều kiện để nuôi con; anh D không có nghề nghiệp, không nơi ở nhất định, không có nguồn thu nhập nào và cũng không có tài sản gì nên chị không yêu cầu cấp dưỡng.

[4] Về án phí: Chị C là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; khoản 1, 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Công D.

2. Về con: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim C được quyền trực tiếp nuôi con, Nguyễn Công Thành L, cháu sinh ngày 17/7/2005.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003220 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột; chị C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận

được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND phường Thống Nhất;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Phòng Kiểm tra-TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Hưng